

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị quyết tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong những năm qua, Nhà nước luôn quan tâm các đối tượng bảo trợ xã hội và đã ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), riêng tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, đối tượng tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội cũng được quan tâm, thể hiện qua những chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước như: hỗ trợ học bổng, đồ dùng học tập, trợ cấp nuôi dưỡng, hỗ trợ về giáo dục, ... Tuy nhiên trên địa bàn tỉnh còn có nhiều đối tượng hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có nhu cầu vào được nuôi dưỡng, chăm sóc tại Trung tâm thuộc Sở như:

a) Đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng.

b) Người thuộc diện quy định tại điểm a mục 1 phần I báo cáo này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mà đủ 16 tuổi trở lên nhưng đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi.

c) Đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng không có cha, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở

trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật nặng trở lên.

d) Đối tượng Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc diện hộ nghèo: Không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác; không có vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích hoặc đều đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

Như vậy, việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là hết sức cần thiết, thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng yếu thế, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng thẩm quyền, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

- Xây dựng quy định tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối ngân sách và đúng thẩm quyền; đảm bảo độ bao phủ, toàn diện và tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các đối tượng yếu thế, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững, hướng đến mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội đã đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội.

- Thông qua chính sách tiếp nhận đối tượng vào các cơ sở trợ giúp xã hội, nhằm đảm bảo thực hiện chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế trong xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

Quy định về việc tiếp nhận và chế độ của đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện nay, đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm 03 nhóm đối tượng: trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, cụ thể:

1.1 Đối tượng người không quá 22 tuổi:

- Trẻ em dưới 16 không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

Như vậy, quy định chưa bao phủ hết đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó chưa bao gồm đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng và trường hợp đối tượng có hoàn cảnh này nhưng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mà đủ 16 tuổi trở lên đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi (do một số trường đại học học 06 năm thì nếu học đúng tuổi khi tốt nghiệp sẽ là 24 tuổi).

Hiện nay, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đang chăm sóc, nuôi dưỡng 05 trẻ em không nguồn nuôi dưỡng.

Theo báo cáo của các địa phương, tính đến tháng 8/2023 trong số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 42 đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

1.2. Đối tượng người khuyết tật

Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Người khuyết tật quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người khuyết tật đặc biệt nặng, không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống.

Như vậy, những người khuyết tật đặc biệt nặng, còn người thân trong gia đình không được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, chưa bao gồm một số đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ gia đình có từ 02 người

khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng không có cha, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (chồng), con nhưng thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương), còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương),

Theo báo cáo của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương và Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương, do các văn bản không quy định rõ về đối tượng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống nên các Trung tâm có tiếp nhận các đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng, không có bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên. Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội tiếp nhận các đối tượng là người tâm thần mãn tính, có hành vi gây nguy hiểm cho xã hội.

Hiện nay, tại Cơ sở 1 Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương đang nuôi dưỡng 97 người khuyết tật, Trung tâm Nuôi dưỡng tâm thần Người có công và xã hội Hải Dương đang nuôi dưỡng 435 người khuyết tật.

Theo kết quả khảo sát của các địa phương tại thời điểm tháng 8/2023, có 312 người khuyết tật (trong đó có 119 người khuyết tật đặc biệt nặng dạng thần kinh, tâm thần và 193 người khuyết tật đặc biệt nặng các dạng còn lại) không còn bố, mẹ, vợ, chồng, con hoặc còn nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi hoặc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên. Những người này có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

1.3. Đối tượng người cao tuổi

- Tại Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội là người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng.

- Tại Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: *“Người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi là vợ, chồng hoặc các con, cháu của người cao tuổi và những người khác có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”*.

- Tại Khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 quy định *“Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này”*.

Như vậy, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, còn có người thân trong gia đình không thuộc đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, chưa bao phủ hết đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, trong đó có người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên, thuộc diện hộ nghèo, không có vợ (chồng), con hoặc vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đã chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình.

Theo báo cáo của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (được thay thế bởi Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) không quy định cụ thể về *“người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng”* để xác định người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Thực tế, tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương có tiếp nhận đối tượng người cao tuổi thuộc hộ nghèo bao gồm những người không có vợ (chồng) hoặc có vợ (chồng) nhưng đã chết; không có con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp (*hoặc có nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng*); còn hoặc không còn ông bà nội; ông bà ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột; anh, chị, em ruột hoặc cháu ruột.

Hiện nay, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương có 22 người cao tuổi đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm.

Theo báo cáo của các địa phương, số đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng có 155 người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, thuộc hộ nghèo, không có vợ (chồng), con hoặc có nhưng đã chết, mất tích, ly hôn hoặc vợ (chồng), con đều đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; có thể còn những người có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng khác trong gia đình. Những người này

có nhiều trường hợp có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trên cơ sở các quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, Nghị định 07/2021 ngày 27/1/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; các quy định khác tại Luật Trẻ em, Luật Giáo dục; Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng, kết quả khảo sát đối tượng người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu được vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội và theo thực tế tiếp nhận đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội trong những năm qua đề xuất chính sách tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Để đáp ứng nhu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi đảm bảo chính sách an sinh xã hội và phù hợp điều kiện thực tế tại Trung tâm, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc tiếp nhận đối tượng đang thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương như sau:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại (cha hoặc mẹ) đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng.

b) Người thuộc diện quy định tại điểm a mục 3 phần II Báo cáo này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương mà đủ 16 tuổi trở lên nhưng đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 24 tuổi.

c) Người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ gia đình có từ 02 người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng không có cha, mẹ, vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có cha, mẹ, vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc đang nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc trên 60 tuổi hoặc dưới 18 tuổi (trừ đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội,

đối tượng và chế độ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương).

d) Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo; không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng hoặc các khoản trợ cấp hàng tháng khác; không có vợ (chồng), con hoặc có vợ (chồng) nhưng đã ly hôn hoặc có vợ (chồng), con nhưng đều thuộc một trong các trường hợp: chết, mất tích, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tiếp tục quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội như trẻ em, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi nhằm từng bước thực hiện bao phủ các chế độ, chính sách đối với các đối tượng yếu thế, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người cao tuổi trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

- Thể hiện tính nhân văn, chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước trong việc bảo đảm an sinh xã hội, tạo sự đồng thuận, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân trên địa bàn tỉnh nói chung và trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp chỉ mở rộng/ đối tượng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, không làm phát sinh thủ tục hành chính (*có phụ lục I đính kèm*).

- Về kinh phí: Khi chính sách được thực hiện, kinh phí dự kiến tăng trong năm 2024 khi 02 Trung tâm tiếp nhận thêm 162 đối tượng là 3.434,49 triệu đồng/năm; kinh phí dự kiến tăng trong năm của 02 Trung tâm khi Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương được xây mới, tiếp nhận thêm 156 đối tượng, 02 Trung tâm tiếp nhận thêm 275 người là 5.713,52 triệu đồng/năm.

Trường hợp Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2021/NĐ-CP theo hướng tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội là 500.000 đồng/tháng thì chi phí tiền ăn cho mỗi đối tượng tăng khoảng 5,8 triệu đồng/năm, kinh phí năm 2024 khi mở rộng đối tượng tăng thêm khoảng 162 người thì chi phí tăng thêm khoảng gần 0,95 tỷ đồng/năm, khi xây dựng xong Trung tâm Bảo trợ xã hội mới, 02 Trung tâm tăng thêm 275 người thì chi phí tăng thêm khoảng 1,6 tỷ đồng/năm.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, thực hiện đăng tải, lấy ý kiến đóng góp tham gia Dự thảo Nghị quyết của các cơ quan liên quan bằng văn bản và tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và được HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh tại Công văn số /HĐND-VP ngày 19/01/2024.

2. Thực hiện Công văn số 322/UBND-VP ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật Nghị quyết HĐND tỉnh theo Công văn số /HĐND-VP ngày 19/01/2024 của HĐND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, thực hiện đăng tải, lấy ý kiến đóng góp tham gia Dự thảo Nghị quyết của các cơ quan liên quan bằng văn bản.

3. Sau khi nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan, về cơ bản các ý kiến đồng tình với hồ sơ xây dựng Nghị quyết, tuy nhiên có một số cơ quan tham gia đóng góp ý kiến, Sở Lao động Thương binh và Xã hội nghiên cứu tiếp thu các ý kiến đóng góp vào dự thảo, trên cơ sở đó hoàn thiện hồ sơ xây dựng Nghị quyết và các tài liệu khác gửi Sở Tư pháp thẩm định.

4. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2993/BC-STP ngày 19/12/2023, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết và có Tờ trình số 5993/TTr-SLĐTBXH ngày 19/12/2023 về việc xây dựng nghị quyết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ngày 12/01/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND về việc thông qua chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết và có Tờ trình số 04/TTr-UBND gửi Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương.

6. Ngày 19/01/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 11/HĐND-VP nhất trí xây dựng Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn triển khai, thực hiện xây dựng Nghị quyết đảm bảo trình

tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Ngày 26/01/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 322/UBND-VP về việc giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan xây dựng Nghị quyết về việc tiếp nhận một số đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách; theo dõi việc hướng dẫn, tổ chức thi hành chính sách. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp giữa năm 2024.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN